

Số: /BC-BCĐ

Thành phố Cao Bằng, ngày tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Tiêu chí Quốc Gia về y tế xã năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ năm 2025

Căn cứ Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2030;

Thực hiện Kế hoạch số 1954/KH-SYT ngày 17/5/2024 của Sở Y tế Cao Bằng Kế hoạch thực hiện xã đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã năm 2024;

Thực hiện Công văn số 4472/SYT-KHTC ngày 03/10/2024 về việc đánh giá kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2024;

Thực hiện Kế hoạch số 139/KH-BCĐ ngày 09/5/2024 của Ban Chỉ đạo Chăm sóc sức khỏe Nhân dân thành phố Cao Bằng về thực hiện xã, phường đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã năm 2024;

Ban Chỉ đạo Chăm sóc sức khỏe Nhân dân (CSSKND) Thành phố báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Trên cơ sở đánh giá thực trạng các Trạm Y tế xã, phường Ban Chỉ đạo thực hiện tiêu chí Quốc Gia về y tế xã thành phố đã kiểm tra, đánh giá, giám sát các trạm Y tế xã, phường triển khai, thực hiện 10 tiêu chí Quốc Gia về y tế xã (TCQGVYTX) theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT, ngày 09 tháng 03 năm 2023 của Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí Quốc Gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030. Tổ chức thực hiện Đánh giá lại theo Bộ tiêu chí mới 1300/QĐ-BYT ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí Quốc Gia về Y tế xã.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

A. Công tác lãnh đạo, điều hành

1. Ban Chỉ đạo CSSKND thành phố đã ra các văn bản chỉ đạo, đôn đốc Ủy ban Nhân dân xã, phường kiện toàn lại Ban chăm sóc sức khỏe Nhân dân cấp xã, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện tiêu chí Quốc Gia y tế xã theo kế hoạch được giao.

2. Ban Chỉ đạo CSSKND Thành phố đã xây dựng Kế hoạch thực hiện tiêu chí Quốc Gia về y tế xã năm 2023 và hướng dẫn cho các xã, phường triển khai, tổ chức thực hiện.

3. Phân công nhiệm vụ công tác cho các thành viên xây dựng chương trình công tác, kế hoạch, chỉ đạo giám sát các cơ sở xã, phường thực hiện tiêu chí Quốc gia về y tế xã theo từng giai đoạn.

4. Ban Chỉ đạo CSSKND Thành phố tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch. Ban Chỉ đạo CSSKND xã, phường chủ động xây dựng kế hoạch, rà soát đánh giá thực trạng công tác thực hiện tiêu chí Quốc Gia về y tế xã.

5. Tổ chức kiểm tra, giám sát chuyên môn, nghiệp vụ y tế xã nhằm củng cố duy trì nội dung các tiêu chí. Trong năm xây dựng kế hoạch 02 lần/năm kiểm tra, đánh giá chấm điểm các trạm y tế xã theo tiêu chí Quốc Gia về y tế xã.

6. Giao cho Phòng Y tế phối hợp với Trung tâm Y tế Thành phố thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn và giám sát, kiểm tra trực tiếp 11 xã, phường và các xã duy trì đạt TCQGVYTX.

B. Kết quả đánh giá thực hiện tiêu chí Quốc Gia về Y tế xã năm 2024

1. Có 04 xã, phường đủ điều kiện công nhận lại đạt tiêu chí Quốc Gia và 03 xã, phường duy trì bộ tiêu chí về y tế xã năm 2024:

1.1 Phường Đề Thám

- Tiêu chí I: Chỉ đạo điều hành công tác CSSK Nhân dân (điểm đạt 14/14).
- Tiêu chí II: Nhân lực y tế (điểm đạt 8/10).
- Tiêu chí III: Cơ sở hạ tầng trạm y tế xã (điểm đạt 12/12).
- Tiêu chí IV: Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác (điểm đạt 6/9).
- Tiêu chí V: Y tế dự phòng - VSMT, các chương trình MTQG về y tế (điểm đạt 18/19).
- Tiêu chí VI: Khám chữa bệnh (KCB), Phục hồi chức năng (PHCN) và Y học cổ truyền (YHCT) (điểm đạt 11/12).
- Tiêu chí VII: Chăm sóc sức khoẻ bà mẹ - trẻ em (điểm đạt 6/6).
- Tiêu chí VIII: Dân số - KHHGĐ (điểm đạt 9/11).
- Tiêu Chí IX: Truyền thông - GDSK (điểm đạt 3/3).
- Tiêu Chí X: Ứng dụng CNTT (điểm đạt 3,5/4).

Tổng điểm: 90,5/100 điểm.

1.2. Phường Sông Hiến

- Tiêu chí I: Chỉ đạo, điều hành công tác CSSK Nhân dân (điểm đạt 14/14).
- Tiêu chí II: Nhân lực y tế (điểm đạt 9/10).
- Tiêu chí III: Cơ sở hạ tầng trạm y tế xã (điểm đạt 12/12).

- Tiêu chí IV: Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác (điểm đạt 5/9).
- Tiêu chí V: Y tế dự phòng - Vệ sinh môi trường, các chương trình MTQG về y tế (điểm đạt 18/19).
- Tiêu chí VI: Khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng và YHCT (điểm đạt 10/12).
- Tiêu chí VII: Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em (điểm đạt 6/6).
- Tiêu chí VIII: Dân số - Kế hoạch hoá gia đình (điểm đạt 6/11).
- Tiêu chí IX: Truyền thông, giáo dục sức khỏe (điểm đạt 2,5/3).
- Tiêu chí X: Ứng dụng công nghệ thông tin (điểm đạt 3,5/4).

Tổng cộng : 86/100 điểm.

1.3 Phường Sông Bằng

- Tiêu chí I: Chỉ đạo điều hành công tác CSSK Nhân dân (điểm đạt 14/14).
- Tiêu chí II: Nhân lực y tế (điểm đạt 6/10).
- Tiêu chí III: Cơ sở hạ tầng Trạm y tế xã (điểm đạt 10/12).
- Tiêu chí IV: Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác (điểm đạt 6/9).
- Tiêu chí V: Y tế dự phòng- VSMT, các chương trình MTQG về y tế (điểm đạt 19/19).
- Tiêu chí VI: KCB, PHCN và YHCT (điểm đạt 10/12).
- Tiêu chí VII: Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em (điểm đạt 6/6).
- Tiêu chí VIII: Dân số - KHHGĐ (điểm đạt 6,5/11).
- Tiêu chí IX: Truyền thông - GDSK (điểm đạt 2,5/3).
- Tiêu chí X: Ứng dụng CNTT (điểm đạt 3,5/4).

Tổng điểm: 83,5/100 điểm.

1.4. Xã Hưng Đạo

- Tiêu chí I: Chỉ đạo điều hành công tác CSSK Nhân dân (điểm đạt 12/14).
- Tiêu chí II: Nhân lực y tế (điểm đạt 9/10).
- Tiêu chí III: Cơ sở hạ tầng Trạm y tế xã (điểm đạt 12/12).
- Tiêu chí IV: Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác (điểm đạt 6/9).
- Tiêu chí V: Y tế dự phòng- VSMT, các chương trình MTQG về y tế (điểm đạt 17/19).
- Tiêu chí VI: KCB, PHCN và YHCT (điểm đạt 10/12).

- Tiêu chí VII: Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em (điểm đạt 6/6).
- Tiêu chí VIII: Dân số - KHHGD (điểm đạt 7,5/11).
- Tiêu Chí IX: Truyền thông - GDSK (điểm đạt 3/3).
- Tiêu Chí X: Ứng dụng CNTT (điểm đạt 3,5/4).

Tổng điểm: 88/100 điểm.

1.5. Xã Vĩnh Quang

- Tiêu chí I: Chỉ đạo điều hành công tác CSSK Nhân dân (điểm đạt 12/14).
- Tiêu chí II: Nhân lực y tế (điểm đạt 9,5/10).
- Tiêu chí III: Cơ sở hạ tầng Trạm y tế xã (điểm đạt 11/12).
- Tiêu chí IV: Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác (điểm đạt 5/9).
- Tiêu chí V: Y tế dự phòng- VSMT, các chương trình MTQG về y tế (điểm đạt 17/19).
- Tiêu chí VI: KCB, PHCN và YHCT (điểm đạt 11/12).
- Tiêu chí VII: Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em (điểm đạt 5,5/6).
- Tiêu chí VIII: Dân số - KHHGD (điểm đạt 6,5/11).
- Tiêu Chí IX: Truyền thông - GDSK (điểm đạt 3/3).
- Tiêu Chí X: Ứng dụng CNTT (điểm đạt 3,5/4).

Tổng điểm: 84/100 điểm.

1.6. Phường Ngọc Xuân

- Tiêu chí I: Chỉ đạo điều hành công tác CSSK Nhân dân (điểm đạt 12/14).
- Tiêu chí II: Nhân lực y tế (điểm đạt 8/10).
- Tiêu chí III: Cơ sở hạ tầng Trạm y tế xã (điểm đạt 10/12).
- Tiêu chí IV: Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác (điểm đạt 6/9).
- Tiêu chí V: Y tế dự phòng- VSMT, các chương trình MTQG về y tế (điểm đạt 15,5/19).
- Tiêu chí VI: KCB, PHCN và YHCT (điểm đạt 11/12).
- Tiêu chí VII: Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em (điểm đạt 6/6).
- Tiêu chí VIII: Dân số - KHHGD (điểm đạt 6/11).
- Tiêu Chí IX: Truyền thông - GDSK (điểm đạt 3/3).
- Tiêu Chí X: Ứng dụng CNTT (điểm đạt 3,5/4).

Tổng điểm: 81/100 điểm.

1.7. Xã Chu Trinh

- Tiêu chí I: Chỉ đạo điều hành công tác CSSK Nhân dân (điểm đạt 12/14).
- Tiêu chí II: Nhân lực y tế (điểm đạt 9,5/10).
- Tiêu chí III: Cơ sở hạ tầng Trạm y tế xã (điểm đạt 12/12).
- Tiêu chí IV: Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác (điểm đạt 5/9).
- Tiêu chí V: Y tế dự phòng- VSMT, các chương trình MTQG về y tế (điểm đạt 17/19).
- Tiêu chí VI: KCB, PHCN và YHCT (điểm đạt 11/12).
- Tiêu chí VII: Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em (điểm đạt 5,5/6).
- Tiêu chí VIII: Dân số - KHHGD (điểm đạt 6/11).
- Tiêu Chí IX: Truyền thông - GDSK (điểm đạt 2,5/3).
- Tiêu Chí X: Ứng dụng CNTT (điểm đạt 3,5/4).

Tổng điểm: 84/100 điểm.

Kết luận: Đối chiếu Quyết định số 1300/QĐ-BYT, ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2030. Trạm Y tế Phường Đề Thám, phường Sông Hiến, phường Sông Bằng, Xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng đạt duy trì bộ tiêu chí Quốc Gia về y tế xã đủ điều kiện làm Hồ sơ trình công nhận lại theo kế hoạch và các Trạm Y tế phường Ngọc Xuân, Trạm Y tế xã Vĩnh Quang, Trạm Y tế Xã Chu Trinh đạt duy trì bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã.

2. Các phường còn lại đánh giá theo Bộ tiêu chí 1300 Quốc Gia về y tế xã năm 2024 (Phường Hợp Giang, Tân Giang, Hòa Chung, Duyệt Trung)

2.1. Phường Hợp Giang

- Tiêu chí I: Chỉ đạo điều hành công tác CSSK Nhân dân (điểm đạt 12/14).
- Tiêu chí II: Nhân lực y tế (điểm đạt 7/10).
- Tiêu chí III: Cơ sở hạ tầng Trạm y tế xã (điểm đạt 5/12).
- Tiêu chí IV: Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác (điểm đạt 4/9).
- Tiêu chí V: Y tế dự phòng- VSMT, các chương trình MTQG về y tế (điểm đạt 13/19).
- Tiêu chí VI: KCB, PHCN và YHCT (điểm đạt 10/12).
- Tiêu chí VII: Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em (điểm đạt 6/6).
- Tiêu chí VIII: Dân số - KHHGD (điểm đạt 6/11).

- Tiêu Chí IX: Truyền thông - GDSK (điểm đạt 2,5/3).
- Tiêu Chí X: Ứng dụng CNTT (điểm đạt 3/4).

Tổng điểm: 69/100 điểm.

2.2. Phường Tân Giang

- Tiêu chí I: Chỉ đạo điều hành công tác CSSK Nhân dân (điểm đạt 10/14).
- Tiêu chí II: Nhân lực y tế (điểm đạt 9/10).
- Tiêu chí III: Cơ sở hạ tầng trạm y tế xã (điểm đạt 8/12).
- Tiêu chí IV: Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác (điểm đạt 5/9).
- Tiêu chí V: Y tế dự phòng- VSMT, các chương trình MTQG về y tế (điểm đạt 17,5/19).
- Tiêu chí VI: KCB, PHCN và YHCT (điểm đạt 9/12).
- Tiêu chí VII: Chăm sóc sức khoẻ bà mẹ - trẻ em (điểm đạt 6/6).
- Tiêu chí VIII: Dân số - KHHGĐ (điểm đạt 7/11).
- Tiêu Chí IX: Truyền thông - GDSK (điểm đạt 3/3).
- Tiêu Chí X: Ứng dụng CNTT (điểm đạt 3,5/4).

Tổng điểm: 78/100 điểm.

2.3. Phường Hòa Chung

- Tiêu chí I: Chỉ đạo điều hành công tác CSSK Nhân dân (điểm đạt 10/14).
- Tiêu chí II: Nhân lực y tế (điểm đạt 8,5/10).
- Tiêu chí III: Cơ sở hạ tầng trạm y tế xã (điểm đạt 5,5/12).
- Tiêu chí IV: Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác (điểm đạt 5/9).
- Tiêu chí V: Y tế dự phòng- VSMT, các chương trình MTQG về y tế (điểm đạt 17/19).
- Tiêu chí VI: KCB, PHCN và YHCT (điểm đạt 8,5/12).
- Tiêu chí VII: Chăm sóc sức khoẻ bà mẹ - trẻ em (điểm đạt 6/6).
- Tiêu chí VIII: Dân số - KHHGĐ (điểm đạt 6/11).
- Tiêu Chí IX: Truyền thông - GDSK (điểm đạt 3/3).
- Tiêu Chí X: Ứng dụng CNTT (điểm đạt 3,5/4).

Tổng điểm: 73/100 điểm.

2.4. Phường Duyệt Trung

- Tiêu chí I: Chỉ đạo điều hành công tác CSSK Nhân dân (điểm đạt 10/14).

- Tiêu chí II: Nhân lực y tế (điểm đạt 7/10).
- Tiêu chí III: Cơ sở hạ tầng trạm y tế xã (điểm đạt 6,5/12).
- Tiêu chí IV: Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác (điểm đạt 5/9).
- Tiêu chí V: Y tế dự phòng- VSMT, các chương trình MTQG về y tế (điểm đạt 15/19).
- Tiêu chí VI: KCB, PHCN và YHCT (điểm đạt 8/12).
- Tiêu chí VII: Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em (điểm đạt 4,5/6).
- Tiêu chí VIII: Dân số - KHHGĐ (điểm đạt 6/11).
- Tiêu Chí IX: Truyền thông - GDSK (điểm đạt 3/3).
- Tiêu Chí X: Ứng dụng CNTT (điểm đạt 3,5/4).

Tổng điểm: 70,5/100 điểm.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

- Được sự chỉ đạo, quan tâm của Ban Chỉ đạo CSSKND tỉnh, Sở Y tế, các Trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh đã tăng cường hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ và kiểm tra, giám sát kịp thời đến tận cơ sở.

- Ban Chỉ đạo cấp thành phố tăng cường chỉ đạo, đôn đốc các xã, phường chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện.

- Các xã, phường duy trì đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã đã thực hiện cơ bản tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; hoàn thành tốt các hoạt động khám chữa bệnh, phòng bệnh, quản lý dược - trang thiết bị y tế, thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch giao hàng năm.

- Cơ sở vật chất các xã duy trì đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã được củng cố cải tạo, nâng cấp các công trình phụ trợ, bố trí đủ nhân lực và triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu y tế Quốc gia và các dự án y tế; thực hiện tốt các chỉ tiêu, mục tiêu giao hàng năm. Trên cơ sở đó đã từng bước hoàn thiện, phấn đấu thực hiện tốt 10 tiêu chí Quốc gia về y tế xã.

- Cấp uỷ đảng, chính quyền xã, phường tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các ngành liên quan phối hợp chặt chẽ với y tế xã triển khai, thực hiện tốt các nhiệm vụ y tế trên địa bàn. Triển khai, thực hiện theo hướng dẫn của tuyến trên; chủ động lập kế hoạch thực hiện, kịp thời rà soát các nội dung trong 10 tiêu chí, từng bước khắc phục mặt tồn tại của từng tiêu chí.

IV. NHỮNG NGUYÊN NHÂN, TỒN TẠI

Qua đánh giá theo Bộ tiêu chí mới 1300/QĐ-BYT ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã:

Tiêu chí 1: Chỉ đạo, điều hành công tác CSSK : tại chỉ tiêu 6: Tỷ lệ người dân có thẻ BHYT trong năm trên địa bàn xã, phường phải đạt trên 97% do Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh, thành phố. Tuy nhiên qua chấm điểm các xã, phường chỉ đa phần đạt điểm dưới tỷ lệ do Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh, thành phố (1 điểm).

Tiêu chí 2 Nhân lực y tế:

Chỉ tiêu 7. Đảm bảo đủ số lượng người làm việc và cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo đề án vị trí việc làm của trạm y tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các cán bộ được đào tạo, tập huấn chuyên môn theo quy định hiện hành: Không đạt điểm tối đa vì hiện tại 1 số trạm thiếu chức danh nghề nghiệp cần có tại trạm y tế theo quy định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao: Các xã, phường thành phố chưa bố trí đầy đủ các chức danh theo quy định nên không đạt điểm (*Trạm Y tế Phường Đề Thám, Hưng Đạo, Ngọc Xuân, Sông Bằng, Xã Chu Trinh thiếu điều dưỡng*).

Chỉ tiêu 9. Mỗi tổ, thôn, bản, ấp đều có nhân viên y tế thôn bản (YTTB), cộng tác viên dân số được đào tạo hoạt động; đối với thôn, bản, ấp thuộc xã vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số có cô đỡ thôn bản được đào tạo: Chỉ tiêu này chỉ có 03 xã (*Hưng Đạo, Vĩnh Quang, Chu Trinh*) có YTTB nhưng còn nhiều YTTB chưa qua đào tạo theo quy định nên chưa đạt điểm tối đa, còn lại 08 phường trên địa bàn thành phố (*Tân Giang, Hợp Giang, Duyệt Trung, Hòa Chung, Sông Bằng, Sông Hiến, Ngọc Xuân, Đề Thám*) do không còn nhân viên YTTB nên không được điểm.

Tiêu chí 3: Cơ sở hạ tầng trạm y tế xã:

Chỉ tiêu 12. Diện tích mặt bằng và diện tích xây dựng của trạm y tế xã đảm bảo đáp ứng nhu cầu CSSK Nhân dân. Định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế theo công trình (trạm y tế): 500 - 2000 m². Như vậy một số trạm có diện tích xây dựng chưa đủ theo quy định như Trạm y tế phường Tân Giang, Hợp Giang, Duyệt Trung, Hòa Chung, Sông Bằng.

Chỉ tiêu 16. Có đủ hạ tầng kỹ thuật và khối phụ trợ: Khối phụ trợ và công trình phụ trợ: Kho, nhà để xe, hàng rào bảo vệ, nguồn điện lưới hoặc máy phát điện riêng. Đa phần các Trạm chưa đáp ứng hạng mục như Trạm Sông Bằng, Ngọc Xuân, Hòa Chung, Tân Giang, Duyệt Trung, Hợp Giang không có hàng rào bảo vệ, nhà để xe.

Một số trạm y tế xã, phường về cơ sở vật chất như khối nhà chính chưa được đầu tư xây dựng theo tiêu chí Quốc gia về y tế xã.

Tiêu chí 4: Trang thiết bị thuốc và các trang thiết bị khác:

Chỉ tiêu 17. Trạm Y tế xã đảm bảo có đủ TTB để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; cán bộ y tế có khả năng sử dụng các trang thiết bị y tế được cấp: tại chỉ tiêu này các trạm chỉ đạt 1 điểm. Vì TYT xã chưa có đủ danh mục TTB tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế: Có đủ 100% danh mục (2 điểm), 80% danh mục (1 điểm): có 7/11 Trạm đạt 1 điểm (Chu Trinh, Duyệt Trung, Hòa Chung, Hợp Giang, Sông Hiến, Sông Bằng, Tân Giang).

Tiêu chí 5: Y tế dự phòng- VSMT, các chương trình MTQG về y tế:

Chỉ tiêu 22. Triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh không lây nhiễm: Một số trạm đạt tỷ lệ chưa cao nên số điểm đạt mức trung bình so với các chỉ tiêu chí

Tiêu chí 6: KCB, PHCN và YHCT:

Chỉ tiêu 28: Quản lý và chăm sóc sức khỏe người khuyết tật tại cộng đồng đối với các xã, phường không đạt điểm vì hàng năm không tổ chức thăm khám sức khỏe định kỳ cho người khuyết tật, chủ yếu thực hiện lồng ghép (*không có kinh phí thực hiện*).

Chỉ tiêu 29. Quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn: tại mục Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử: Cơ bản chấm điểm 11/11 trạm đều đạt 2 điểm. Tuy nhiên tài liệu minh chứng cho chỉ tiêu này chủ yếu căn cứ vào báo cáo kết quả triển khai thực hiện đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử của người trên địa bàn thành phố. Xong phần đa người dân đi khám bệnh chủ yếu là người già sử dụng phương thức truyền thống sử dụng thẻ BHYT và sổ khám bệnh giấy, chưa có điện thoại thông minh tải app hoặc chưa biết sử dụng. Hiện tại chưa triển khai đồng bộ giữa các đơn vị phối hợp về sổ khám chữa bệnh điện tử vì vậy khó khăn cho cơ sở y tế xác định nguồn dữ liệu làm báo cáo cũng như tài liệu minh chứng chính xác cho chỉ tiêu.

Tiêu chí 7: Chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em: Chỉ tiêu 34.Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng các loại vắc-xin phổ cập theo quy định của Bộ Y tế. Chưa đạt điểm tối đa.

Tiêu chí 8: Dân số - KHHGD: Khám sức khỏe định kỳ cho người cao (từ 60 tuổi trở lên) tối thiểu 01 lần/năm (không đạt điểm) các Trạm chưa tổ chức được vì không có kinh phí tổ chức khám.

Tiêu chí 9. Truyền thông, giáo dục sức khỏe: cơ bản đáp ứng nhưng công tác truyền thông GDSK tại tổ xóm chưa thực hiện được thường xuyên; cần tăng cường công tác tuyên truyền tại cộng đồng, có biên bản ghi chép cụ thể, lưu cập tiêu chí.

Tiêu chí 10. Ứng dụng CNTT: Cơ bản các Trạm y tế đã đáp ứng nhưng chưa triển khai tư vấn khám chữa bệnh từ xa nên không chấm điểm tại mục KCB từ xa.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2025

A. Mục tiêu

Tiếp tục củng cố, duy trì bền vững các nội dung tiêu chí Quốc gia về y tế xã của các xã, phường đã đạt được, từng bước khắc phục thực hiện các nội dung chưa đạt yêu cầu của Bộ tiêu chí mới.

B. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Ban chăm sóc sức khoẻ Nhân dân các cấp cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và xây dựng chương trình kế hoạch cụ thể từng thời gian, triển khai, tổ chức thực hiện từng nội dung tiêu chí Quốc Gia về Y tế xã.

2. Các đơn vị, phòng ban, đoàn thể thành phố căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao tăng cường phối hợp với ngành y tế tuyến thành phố, tuyến xã, phường triển khai tổ chức thực hiện tiêu chí Quốc Gia về y tế xã đạt hiệu quả, bền vững.

3. Từng bước khắc phục có hiệu quả những tiêu chí còn tồn tại chưa đạt yêu cầu, đồng thời duy trì bền vững những kết quả đã đạt được.

4. Tăng cường công tác xã hội hoá về công tác y tế trên địa bàn.

5. Thực hiện tốt và duy trì công tác phòng chống dịch bệnh, các chương trình mục tiêu Y tế - Dân số.

6. Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh và phục hồi chức năng, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, không ngừng tăng cường đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý cho cán bộ y tế cơ sở.

7. Tiếp tục thực hiện công tác khám chữa bệnh bảo hiểm y tế nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, khám chữa bệnh y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại; củng cố nâng cao khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền; đầu tư cải tạo vườn thuốc nam tại trạm y tế xã, phường; hướng dẫn, sử dụng nguồn thuốc nam tại địa phương cho Nhân dân.

8. Cung cấp bổ sung trang thiết bị y tế, đầy đủ kịp thời theo TCQGVYTX.

9. Duy tu bảo dưỡng cơ sở vật chất nhà trạm; cung ứng đủ thuốc thiết yếu cho y tế xã theo danh mục được Sở Y tế đã phê duyệt; Sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả, chất lượng.

10. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khám bệnh, chữa bệnh được duy trì và nâng cao chất lượng.

11. Tổng hợp báo cáo kịp thời đầy đủ theo quy định.

VI. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Đề nghị Ủy ban nhân tỉnh Cao Bằng bố trí nguồn ngân sách địa phương, hỗ trợ kinh phí cho công tác đào tạo cán bộ y tế cơ sở.

- Tăng cường nguồn lực đầu tư cho tuyến y tế xã, phường đặc biệt đầu tư xây dựng cơ sở vật chất công trình nhà trạm y tế theo tiêu chí mới, tiêu chí Quốc gia về y tế xã.

- Sở Y tế tỉnh Cao Bằng tăng cường giám sát công tác chuyên môn, nghiệp vụ tuyến y tế xã, phường.

- Các Trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh hỗ trợ về chuyên môn, kỹ thuật cho cán bộ y tế xã.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí Quốc Gia về y tế xã năm 2024, phương hướng nhiệm vụ năm 2025 của Ban Chỉ đạo Chăm sóc sức khỏe Nhân dân thành phố Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- Phòng KH-TC Sở Y tế Cao Bằng;
- TT Thành ủy Cao Bằng;
- TT HĐND;
- Lãnh đạo UBND Thành phố;
- Phòng Y tế Thành phố;
- Trung tâm Y tế Thành phố;
- UBND xã, phường;
- TYT các xã, phường;
- Trang TTĐT Thành phố;
- Lưu: VT, PYT.

TRƯỞNG BAN

PHÓ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ
Nguyễn Đức Trường